

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
CHUẨN ĐẦU RA DÀNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐHNH, ĐHDN**

ĐỢT THI NGÀY 23/8/2026

Địa điểm thi: Trường ĐHNH, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - TẦNG 4

Thời gian thi: Ca 1 : 7h00 - 11h30

TT	SBD	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Ca	Phòng
1	238001	Thái Trần Hân	Ái	411230268	23CNA07	1 (A401)
2	238002	Nguyễn Thị	An	417230039	23CNH02	1 (A401)
3	238003	Nguyễn Thúy	An	415240107	24CNTTM02	1 (A401)
4	238004	Lê Loan	Anh	411220156	22CNA05	1 (A401)
5	238005	Nguyễn Thị Vân	Anh	412220215	22CNATMCLC02	1 (A401)
6	238006	Nguyễn Trâm	Anh	412230001	23CNADL01	1 (A401)
7	238007	Trần Thị Tú	Anh	412220241	22CNATMCLC03	1 (A401)
8	238008	Trịnh Thị Lan	Anh	417230112	23CNJ01	1 (A401)
9	238009	Y Sa	Bét	411180096	18CNA08	1 (A401)
10	238010	Nguyễn Thảo	Châu	412190497	19CNATMCLC04	1 (A401)
11	238011	Trần Xuân Quang	Đang	411210209	21CNA03	1 (A401)
12	238012	Phan Hồng	Đào	417230184	23CNJTM01	1 (A401)
13	238013	Nguyễn Thị	Diễm	419230004	23SPA01	1 (A401)
14	238014	Trần Thị Phương	Diệu	411230038	23CNA01	1 (A401)
15	238015	Đặng Phước	Đức	411230505	23CNA13	1 (A401)
16	238016	Nguyễn Thị Thùy	Dung	411230234	23CNA06	1 (A401)
17	238017	Trương Đức Minh	Dũng	411190510	19CNACLC02	1 (A401)
18	238018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	411230429	23CNA11	1 (A401)
19	238019	Đặng Hồng	Duyên	411230274	23CNA07	1 (A401)
20	238020	Hồ Lý Thảo	Duyên	411190514	19CNACLC04	1 (A401)
21	238021	Lê Thị Phương	Duyên	411200650	20CNACLC04	1 (A401)
22	238022	Ngô Nguyễn Thùy	Duyên	411190516	19CNACLC06	1 (A401)
23	238023	Nguyễn Hạnh	Duyên	411210211	21CNA03	1 (A401)
24	238024	Nguyễn Hoàng Châu	Duyên	412220244	22CNATMCLC03	1 (A401)
25	238025	Trương Thị Mỹ	Duyên	411180691	18CNACLC06	1 (A401)
26	238026	Bùi Thị	Giang	412200045	20CNADL02	1 (A401)
27	238027	Đinh Đỗ Quỳnh	Giang	411210591	21CNACLC01	1 (A402)
28	238028	Hoàng Ngọc Hà	Giang	411190527	19CNACLC07	1 (A402)
29	238029	Lê Thị Hương	Giang	411210337	22CNA06	1 (A402)
30	238030	Nguyễn Minh	Giang	411200115	20CNA02	1 (A402)
31	238031	Trần Thị Trà	Giang	411220312	23CNA09	1 (A402)
32	238032	Trần Thị Quý	Giàu	411210296	21CNA05	1 (A402)
33	238033	Nguyễn Thị Việt	Hà	411220391	22CNACLC01	1 (A402)
34	238034	Võ Thị	Hà	411220237	22CNA07	1 (A402)
35	238035	Lê Minh	Hằng	411230508	23CNA13	1 (A402)
36	238036	Lê Thanh	Hằng	412220273	22CNATMCLC04	1 (A402)
37	238037	Phạm Thị Thúy	Hằng	411200281	20CNA06	1 (A402)
38	238038	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	411220419	22CNACLC02	1 (A402)
39	238039	Võ Thị Thanh	Hiền	411170181	17CNA09	1 (A402)
40	238040	Phạm Nguyên	Hoa	411230433	23CNA11	1 (A402)

TT	SBD	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Ca	Phòng	
41	238041	Lê Thị Thanh	Hoàng	412230091	23CNADL03	1	2 (A402)
42	238042	Trần Nhật	Hoàng	411230160	23CNA04	1	2 (A402)
43	238043	Ngô Thị Ngọc	Huế	411200239	20CNA05	1	2 (A402)
44	238044	Nguyễn Thị	Hương	411200075	20CNA01	1	2 (A402)
45	238045	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	412230011	23CNADL01	1	2 (A402)
46	238046	Trần Thị Lan	Hương	411210426	21CNA08	1	2 (A402)
47	238047	Lê Thị	Hường	412220009	22CNADL01	1	2 (A402)
48	238048	Trương Thị Thanh	Hường	411190581	19CNACLC04	1	2 (A402)
49	238049	Nguyễn Thị	Huyền	412220223	22CNATMCLC02	1	2 (A402)
50	238050	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	411230201	23CNA05	1	2 (A402)
51	238051	Huỳnh Bảo	Khanh	411200683	20CNACLC05	1	2 (A402)
52	238052	Trần Thị Lam	Khuê	412230013	23CNADL01	1	2 (A402)
53	238053	Nguyễn Thị	Kiều	412190582	19CNATMCLC04	1	3 (A403)
54	238054	Nguyễn Thị Tri	Lễ	411220395	22CNACLC01	1	3 (A403)
55	238055	Phan Thị Mỹ	Lệ	411190157	19CNA03	1	3 (A403)
56	238056	Bùi Thị Lê	Linh	412230015	23CNADL01	1	3 (A403)
57	238057	Cao Kiều Ngọc	Linh	412220196	22CNATMCLC01	1	3 (A403)
58	238058	Đào Thị Thảo	Linh	417230124	23CNJ01	1	3 (A403)
59	238059	Nguyễn Khánh	Linh	411230625	23CNATT01	1	3 (A403)
60	238060	Nguyễn Mai	Linh	411230087	23CNA02	1	3 (A403)
61	238061	Nguyễn Phương	Linh	412230304	23CNATMĐT01	1	3 (A403)
62	238062	Nguyễn Thùy	Linh	412220277	22CNATMCLC04	1	3 (A403)
63	238063	Trần Thị Ngọc	Linh	416230179	23CNQTH03	1	3 (A403)
64	238064	Cao Thị	Lộc	417230051	23CNH02	1	3 (A403)
65	238065	Đinh Thị Mai	Lưu	411200598	20CNACLC02	1	3 (A403)
66	238066	Nguyễn Ngọc Thảo	Ly	411230668	23CNATT02	1	3 (A403)
67	238067	Trần Hoàng	Lý	411220094	22CNA03	1	3 (A403)
68	238068	Nguyễn Trần Phương	Mai	412220227	22CNATMCLC02	1	3 (A403)
69	238069	Nguyễn Thị Diệu	My	412180803	18CNATMCLC02	1	3 (A403)
70	238070	Phạm Thị Như	My	411220454	22CNACLC03	1	3 (A403)
71	238071	Võ Kiều	My	411230246	23CNA06	1	3 (A403)
72	238072	Lê Thị Ngọc	Na	411230363	23CNA09	1	3 (A403)
73	238073	Võ Thị Linh	Na	411200599	20CNACLC02	1	3 (A403)
74	238074	Nguyễn Thị	Nam	416230014	23CNDPH01	1	3 (A403)
75	238075	Nguyễn Thị Thanh	Nam	414220018	22CNN01	1	3 (A403)
76	238076	Nguyễn Thị	Nga	411220018	22CNA01	1	3 (A403)
77	238077	Phạm Trương Thanh	Ngà	411220134	22CNA04	1	3 (A403)
78	238078	Diệp Thị Đa	Ngân	412230310	23CNATMĐT01	1	3 (A403)
79	238079	Nguyễn Bảo	Ngân	411230286	23CNA07	1	4 (B401)
80	238080	Lê Lưu Hồng	Ngọc	411230674	23CNATT02	1	4 (B401)
81	238081	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	411220060	22CNA02	1	4 (B401)
82	238082	Nguyễn Trương Hồng	Ngọc	411230248	23CNA06	1	4 (B401)
83	238083	Phan Thị Bích	Ngọc	412230061	23CNADL02	1	4 (B401)
84	238084	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	416230017	23CNDPH01	1	4 (B401)
85	238085	Lê Thị Minh	Nguyệt	412200182	20CNATM02	1	4 (B401)
86	238086	Trần Thị Minh	Nguyệt	411200250	20CNA05	1	4 (B401)
87	238087	Phan Thị Thanh	Nhàn	416230183	23CNQTH03	1	4 (B401)
88	238088	Cao Yến	Nhi	411220428	22CNACLC02	1	4 (B401)
89	238089	Lê Uyên	Nhi	417230201	23CNJTM01	1	4 (B401)

TT	SBD	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Ca	Phòng	
90	238090	Nguyễn Linh	Nhi	411200600	20CNACLC02	1	4 (B401)
91	238091	Nguyễn Trần Yên	Nhi	412220310	22CNATMĐT01	1	4 (B401)
92	238092	Phan Nguyễn Thảo	Nhi	411230559	23CNA14	1	4 (B401)
93	238093	Phạm Thị Quỳnh	Như	412240152	24CNATM01	1	4 (B401)
94	238094	Lê Thị Kim	Nhung	411220291	23CNA08	1	4 (B401)
95	238095	Võ Thị Thanh	Nhung	413200051	20CNP01	1	4 (B401)
96	238096	H Bân	Niê	411220494	22CNATT01	1	4 (B401)
97	238097	Nguyễn Trịnh Hồng	Phúc	411210605	21CNACLC01	1	4 (B401)
98	238098	Phạm Thị Minh	Phương	416230190	23CNQTH03	1	4 (B401)
99	238099	Lê Thị Bích	Phượng	412220205	22CNATMCLC01	1	4 (B401)
100	238100	Lê Thị Tường	Qui	412200141	20CNATM01	1	4 (B401)
101	238101	Cao Thị Lê	Quyên	419230056	23SPT01	1	4 (B401)
102	238102	Nguyễn Phương	Quỳnh	411220104	22CNA03	1	4 (B401)
103	238103	Trần Như	Quỳnh	411230601	23CNA15	1	4 (B401)
104	238104	Trần Thị Như	Quỳnh	412220096	22CNADLCLC01	1	4 (B401)
105	238105	Lê Xuân	Tâm	411230334	23CNA08	1	5 (C404)
106	238106	Phạm Phú	Thắng	413240031	24CNP01	1	5 (C404)
107	238107	Hoàng Thị	Thảo	411220537	22CNATT02	1	5 (C404)
108	238108	Nguyễn Hạ Thanh	Thảo	412230316	23CNATMĐT01	1	5 (C404)
109	238109	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	412200235	20CNATM03	1	5 (C404)
110	238110	Nguyễn Thị Thu	Thảo	411220498	22CNATT01	1	5 (C404)
111	238111	Phan Thị Phương	Thảo	411200137	20CNA02	1	5 (C404)
112	238112	Phan Thị Thu	Thảo	412230070	23CNADL02	1	5 (C404)
113	238113	Trần Đoàn Phương	Thảo	411220108	22CNA03	1	5 (C404)
114	238114	Trần Hồ Thanh	Thảo	419230018	23SPA01	1	5 (C404)
115	238115	Hồ Thị Kim	Thoa	417230210	23CNJTM01	1	5 (C404)
116	238116	Đường Thị Anh	Thư	412230029	23CNADL01	1	5 (C404)
117	238117	Huỳnh Thị Anh	Thư	414220031	22CNN01	1	5 (C404)
118	238118	Nguyễn Lê Anh	Thư	412230317	23CNATMĐT01	1	5 (C404)
119	238119	Nguyễn Thị Minh	Thư	415230186	23CNT01	1	5 (C404)
120	238120	Nguyễn Thị Hoài	Thương	412230152	23CNATM01	1	5 (C404)
121	238121	Nguyễn Thái	Thủy	411220539	22CNATT02	1	5 (C404)
122	238122	Nguyễn Thanh	Thúy	412210074	21CNADL02	1	5 (C404)
123	238123	Phạm Thanh	Thúy	412200269	20CNATMCLC01	1	5 (C404)
124	238124	Ao Thị	Thùy	411230220	23CNA05	1	5 (C404)
125	238125	Đào Phương	Thùy	411220433	22CNACLC02	1	5 (C404)
126	238126	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	412220265	22CNATMCLC03	1	5 (C404)
127	238127	Võ Mai Hồng	Thủy	411230415	23CNA10	1	5 (C404)
128	238128	Đặng Thị Quế	Tiên	411220406	22CNACLC01	1	5 (C404)
129	238129	Lê Thủy	Tiên	412230233	23CNATM03	1	5 (C404)
130	238130	Lê Thủy	Tiên	412230030	23CNADL01	1	5 (C404)
131	238131	Lê Thị Thanh	Trà	412220292	22CNATMCLC04	1	5 (C404)
132	238132	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	411180932	18CNACLC05	1	5 (C404)
133	238133	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	411220073	22CNA02	1	5 (C404)
134	238134	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	415240137	24CNT01	1	5 (C404)
135	238135	Trần Thị Thùy	Trâm	412180550	18CNADL02	1	5 (C404)
136	238136	Võ Ngọc	Trâm	416200059	20CNDPH02	1	5 (C404)
137	238137	Hồ Thị Quỳnh	Trang	411210492	21CNA09	1	5 (C404)
138	238138	Nguyễn Thị	Trang	412230318	23CNATMĐT01	1	5 (C404)

TT	SBD	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Ca	Phòng
139	238139	Nguyễn Thị Thu	Trang	411190789	19CNACLC08	1 5 (C404)
140	238140	Tô Quỳnh	Trang	416230065	23CNDPH02	1 5 (C404)
141	238141	Trần Thị Phương	Trang	411220579	22BHTC01	1 5 (C404)
142	238142	Võ Thị Thùy	Trang	411200552	20CNA12	1 5 (C404)
143	238143	Doãn Thị Anh	Trinh	411220378	22CNA10	1 5 (C404)
144	238144	Hoàng Thị Tuyết	Trinh	411210327	21CNA05	1 5 (C404)
145	238145	Lê Văn	Trúc	411230497	23CNA12	1 5 (C404)
146	238146	Tôn Nữ Minh	Tú	412210261	21CNATMCLC02	1 5 (C404)
147	238147	Nguyễn Thanh	Tường	411230303	23CNA07	1 5 (C404)
148	238148	Nguyễn Chúc Oanh	Tuyền	412230319	23CNATMĐT01	1 5 (C404)
149	238149	Nguyễn Diệu Mỹ	Uyên	411180964	18CNACLC05	1 5 (C404)
150	238150	Huỳnh Thị	Vân	412210169	21CNATM02	1 5 (C404)
151	238151	Trần Thị Hồng	Vân	411200820	20CNACLC08	1 5 (C404)
152	238152	Lê Nguyễn Hà	Vy	411230538	23CNA13	1 5 (C404)
153	238153	Nguyễn Thị Hải	Yến	411220508	22CNATT01	1 5 (C404)
154	238154	Văn Ngọc Bảo	Yến	412230040	23CNADL01	1 5 (C404)

Danh sách có 154 thí sinh./.